

Số: 64/BC-HĐND-ĐGS

Quảng Điền, ngày 08 tháng 7 năm 2022

BÁO CÁO

Về công tác quy hoạch, phân lô đấu giá quyền sử dụng đất và sử dụng nguồn vốn đấu giá của các xã, thị trấn

Thực hiện Nghị quyết số 81/NQ-HĐND, ngày 17 tháng 12 năm 2021 của HĐND huyện về thành lập Đoàn giám sát chuyên đề về công tác quy hoạch, phân lô đấu giá quyền sử dụng đất và sử dụng nguồn vốn đấu giá của các xã, thị trấn năm 2020 và năm 2021. Qua quá trình giám sát tại các địa phương, đơn vị, Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát trình HĐND xem xét, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện

Trên cơ sở quy hoạch vùng huyện, quy hoạch đô thị sạ và xã nông thôn mới, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2021-2025, Kết luận số 195-TB/HU ngày 17/11/2016 của Ban Thường vụ Huyện ủy; UBND huyện đã quan tâm chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp để thực hiện, trong đó đã ban hành các văn bản chỉ đạo và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các địa phương, ban ngành liên quan. Trong 02 năm qua, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch đấu giá thu tiền sử dụng đất hàng năm; đồng thời, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và UBND các xã, thị trấn tập trung rà soát quỹ đất đưa vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm, thực hiện các quy trình phân lô, đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn; định kỳ tổ chức giao ban, báo cáo kết quả thực hiện công tác quy hoạch, phân lô đấu giá quyền sử dụng đất.

2. Công tác quy hoạch, phân lô

UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp, hướng dẫn UBND các xã, thị trấn căn cứ nhu cầu thực tế của từng địa phương để xây dựng kế hoạch sử dụng đất, thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất và tổ chức phân lô đấu giá theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở đó, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện đã tham mưu, hướng dẫn các xã, thị trấn lập qui hoạch 06 khu đất¹ và phê duyệt 276 lô đất xen ghép. Việc lập quy hoạch, kế hoạch thực

¹ Năm 2020:

- Điểm dân cư Đông Bào – Đức Trọng, xã Quảng Vinh: diện tích 21.828m², số lô quy hoạch 139 lô.
- Điểm dân cư Cửa Rào Nam - Hối Đen, xã Quảng Phước: diện tích 22.686m², số lô quy hoạch 112 lô.
- Khu dân cư phía Bắc nhà Văn hóa huyện: diện tích 32.498m², số lô quy hoạch 89 lô.
- Quy hoạch khu dân cư phía Bắc TTTM cạnh bên xe giai đoạn 2 : 14.250m², số lô quy hoạch 83 lô.

hiện phù hợp điều kiện cụ thể về kinh tế - xã hội, khả năng nguồn lực, quy hoạch nông thôn mới, danh mục công trình hạ tầng ưu tiên đầu tư. Nhờ vậy, những năm qua, tiền sử dụng đất của các xã, thị trấn cơ bản đạt và vượt kế hoạch tạo nguồn lực để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

3. Công tác tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất

Đã chỉ đạo, phối hợp với các Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tổ chức tốt các phiên đấu giá theo đúng trình tự, quy định của pháp luật. Nhìn chung, việc tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất tại các xã, thị trấn đảm bảo công khai, minh bạch. Quy hoạch phân lô đấu giá và các thông tin đấu giá, phương án đấu giá quyền sử dụng đất đều được thông báo trên phương tiện truyền thông và công khai, minh bạch tại trụ sở đơn vị được giao tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất, trụ sở UBND xã, thị trấn có quỹ đất đấu giá nhằm đảm bảo mọi người dân đều biết được thông tin và có thể nộp hồ sơ đấu giá khi có nhu cầu. Ngoài ra, căn cứ nhu cầu và giá đất thực tế của thị trường, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn đề xuất mức giá khởi điểm phù hợp, đã hạn chế tình trạng bỏ cọc, dàn xếp giá đấu; tạo điều kiện cho các hộ gia đình có nhu cầu thực sự tham gia đấu giá, tăng thu ngân sách cho địa phương.

Trong 02 năm 2021-2022, huyện và các xã, thị trấn đã tổ chức 50 phiên đấu giá, đấu được 376 lô (trong đó quy hoạch, phân lô xen ghép 268 lô²; đất quy hoạch theo Thông báo Kết luận số 195-TB/HU của Ban Thường vụ Huyện ủy 108 lô³), đã thu ngân sách được 321,928 tỷ đồng; tạo nguồn lực triển khai có hiệu quả Kế hoạch đầu tư công trên địa bàn các xã, thị trấn. Điển hình, UBND thị trấn Sịa đã khẩn trương làm tốt công tác lập quy hoạch và đưa vào đấu giá quyền sử dụng đất với tổng cộng 51 lô, đã thu được 74,23 tỷ đồng, tạo nguồn thu ngân sách cho địa phương.

Năm 2021:

- Điều chỉnh quy hoạch khu dân cư Đông Quảng An: diện tích: 22.422m², số lô quy hoạch: 56 lô
- Lập hồ sơ quy hoạch khu dân cư Thủ Lễ Nam (đã thông qua, chờ điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Sịa).

² Năm 2020: Tổng số lô phê duyệt: 135 lô; trong đó: Quảng An: 26 lô; Quảng Vinh: 50 lô; Quảng Ngạn: 35 lô; Quảng Phú: 12 lô và thị trấn Sịa: 12 lô.

Năm 2021: Tổng số lô phê duyệt 141 lô; trong đó: Quảng An: 9 lô; Quảng Thành: 22 lô; Quảng Thọ: 33 lô; Quảng Phú: 17 lô; Quảng Lợi: 31 lô; Quảng Phước: 15 lô; Quảng Thái: 14 lô.

³ - Khu dân cư Bắc Nhà văn hóa huyện: UBND thị trấn Sịa đã tiến hành lập quy hoạch với tổng số 89 lô, diện tích đất quy hoạch 3,65 ha; đã tổ chức đấu giá đợt 1 14 lô với tổng số tiền 31,5 tỷ đồng, hiện nay UBND thị trấn Sịa đang triển khai giải phóng mặt bằng giai đoạn 2 để đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ việc đấu giá trong thời gian tới.

- Khu quy hoạch dân cư Ruộng Nương-Huyền Võ: UBND xã Quảng Thành đã phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất huyện tiến hành tổ chức đấu giá đợt 1 37/56 lô và thu được số tiền trên 21 tỷ đồng.

- Khu dân cư kết hợp thương mại dịch vụ xã Quảng Thái: UBND xã Quảng Thái đã phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất huyện tổ chức đấu giá 3 đợt 21/54 lô và thu được số tiền trên 21 tỷ đồng.

- Khu dân cư Hói Đen: UBND xã Quảng Phước phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất huyện tổ chức đấu giá 32/112 lô. Hiện nay, UBND xã đã tiến hành giải phóng mặt bằng, đang đầu tư cơ sở hạ tầng và dự kiến đưa vào đấu giá cuối năm 2022.

- Khu dân cư kết hợp dịch vụ chợ Phước Yên, xã Quảng Thọ: UBND huyện phê duyệt báo cáo đầu tư và phê duyệt quy hoạch chi tiết 20 lô, hiện đã tổ chức đấu giá 4 lô đất.

(Có Phụ lục 1,2 đính kèm)

4. Tình hình sử dụng nguồn thu từ tiền sử dụng đất

- Nhìn chung việc sử dụng nguồn vốn đầu giá quyền sử dụng đất của các xã, thị trấn cơ bản đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Bên cạnh việc đầu tư xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng, chỉnh trang, phát triển đô thị, xây dựng nông thôn mới và các khu trung tâm xã, thực hiện đối ứng để xây dựng cơ sở vật chất các trường học, hỗ trợ xi măng để làm đường giao thông thông, kiên cố hóa kênh mương, giao thông nội đồng, UBND các xã, thị trấn đã ưu tiên sử dụng vào việc thanh toán các khoản nợ xây dựng cơ bản, thu hồi tạm ứng, hoàn ngân sách huyện; tập trung bố trí vốn cho dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch,...

- Trong năm 2020 và năm 2021, ngân sách sử dụng nguồn vốn đầu giá vào các dự án, công trình đầu tư công của các xã, thị trấn là 95,077 tỷ đồng (trong đó: năm 2020 là 40,601 tỷ đồng, năm 2021 là 54,476 tỷ đồng).

(Có Phụ lục 3 và 4 đính kèm)

II. HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế:

Bên cạnh những kết quả đạt được, qua giám sát, Đoàn giám sát nhận thấy có những hạn chế, khuyết điểm nổi lên đó là:

- Một số địa phương chưa tính cực, chủ động trong việc triển khai thực hiện công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, quy hoạch, phân lô đầu giá quyền sử dụng đất.

- Việc đầu tư hạ tầng kỹ thuật tại khu dân cư tập trung chưa đầy đủ và đồng bộ theo quy hoạch như đường giao thông, điện, cấp nước, thoát nước, cây xanh và các thiết chế khác phục vụ khu dân cư.

- Trong quá trình thực hiện các dự án khu dân cư mới, chưa tính toán bố trí quỹ đất phục vụ tái định cư giải phóng mặt bằng khi triển khai các dự án, chưa bố trí quỹ đất để giao cho các đối tượng chính sách trên địa bàn.

- Một số địa phương quản lý xây dựng theo quy hoạch chưa tốt như mốc lộ giới, khoảng lùi xây dựng...

- Nguồn thu từ tiền sử dụng đất, các địa phương ưu tiên để đầu tư xây dựng cơ bản mà chưa quan tâm bố trí kinh phí để đầu tư phát triển quỹ đất của địa phương theo hướng đầu tư dài hạn.

- Tình trạng phân lô các diện tích lô đất chưa phù hợp với điều kiện sản xuất, sinh hoạt, phong tục, tập quán của người dân vùng nông thôn.

2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

2.1. Nguyên nhân khách quan

- Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai thường xuyên điều chỉnh, bổ sung; các thủ tục trong quản lý quy hoạch, quản lý đất đai thường xuyên thay đổi nên việc lập thủ tục dự án, điều chỉnh quy hoạch còn chậm so với kế hoạch đề ra.

- Thời gian triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất (sau khi được phê duyệt) hằng năm thường khá ngắn nhưng thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt qua nhiều cấp nên tiến độ không kịp thời.

- Hầu hết, quỹ đất để phục vụ công tác quy hoạch, phân lô tạo nguồn vốn từ nguồn đấu giá quyền sử dụng đất chủ yếu là đất nông nghiệp được giao theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, đất rừng phòng hộ, đất nghĩa trang, nghĩa địa nên quá trình lập quy hoạch, chuyển đổi kế hoạch, mục đích sử dụng đất gặp khó khăn. Bên cạnh đó, một số địa phương có diện tích đất xen ghép còn rất ít, đa số nằm xen ghép trong khu dân cư, tại các ao hồ, mặt nước chưa sử dụng, chưa có hạ tầng giao thông nên khó khăn cho việc quy hoạch phân lô, phát triển quỹ đất.

- Quy trình thực hiện công tác quy hoạch của tỉnh còn chậm. Cụ thể, trong 02 năm qua, 02 xã Quảng Công và Quảng Ngạn chưa thể thực hiện tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất do vướng quy hoạch Thông báo kết luận số 366/TB-UBND ngày 11/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh và Quy hoạch phân khu xây dựng ven biển Quảng Ngạn- Quảng Công.

- Việc điều chỉnh các văn bản về bồi thường, hỗ trợ tái định cư, di chuyển mồ mã, giá đất chưa theo kịp biến động thị trường gây nên tình trạng khiếu nại, khiếu kiện, làm chậm trễ tiến độ triển khai dự án.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Một số xã chưa chủ động xây dựng kế hoạch để triển khai công tác phân lô đấu giá quyền sử dụng đất ảnh hưởng đến nhiệm vụ thu ngân sách của địa phương, nhất là việc triển khai thực hiện theo Thông báo Kết luận số 195-TB/HU của Ban Thường vụ Huyện ủy.

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo quản lý, điều hành của chính quyền các cấp trên lĩnh vực đất đai có lúc, có nơi thiếu chặt chẽ, bị động, lúng túng.

- Đội ngũ cán bộ tham mưu ở một số địa phương chưa nắm chắc các văn bản pháp luật về đất đai, quy hoạch, đầu tư xây dựng dẫn đến công tác tham mưu còn chậm. Công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật liên quan thiếu thường xuyên.

III. KIẾN NGHỊ

Nhằm nâng cao công tác quy hoạch, phân lô đấu giá quyền sử dụng đất và sử dụng nguồn vốn đấu giá của các xã, thị trấn, Đoàn giám sát đề nghị các cấp, các ngành, các địa phương, đơn vị có liên quan qua tâm thực hiện một số nội dung trọng tâm sau:

1. Đối với Ban Thường vụ Huyện ủy

- Tăng cường công tác chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền; thực hiện nghiêm túc các Chỉ thị của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về đất đai.

- Xem xét dừng việc thực hiện Kết luận 195 đối với các địa phương chưa thực hiện hoặc thực hiện gặp khó khăn, vướng mắc, không thực hiện được dự án. Ưu tiên khuyến khích hỗ trợ phần thu phân chia tỷ lệ ngân sách huyện cho các địa phương thực hiện việc di chuyển mồ mã xen ghép trong khu dân cư vào các khu quy hoạch nghĩa trang tập trung để chỉnh trang đô thị, trung tâm các xã và tạo nguồn quỹ đất mới.

2. Đối với UBND huyện

Tập trung chỉ đạo các các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tăng cường chỉ đạo công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai, đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản lý, giải quyết thủ tục hành chính về đất đai.

- Tích cực tham mưu, phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành liên quan trong quá trình đề xuất lập, thực hiện và quản lý quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030, xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2025. Trong đó, bám sát định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện, phù hợp với quy hoạch chung các xã và quy hoạch vùng huyện đã được phê duyệt; thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao tỷ lệ thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm và giai đoạn sau khi được phê duyệt. Nâng cao chất lượng thẩm định năng lực thị trường, năng lực tài chính, vốn chủ sở hữu của các chủ đầu tư nhằm đảm bảo tính khả thi, tiến độ thực hiện dự án.

- Thường xuyên chỉ đạo kiểm tra, thanh tra và giám sát việc quản lý, sử dụng đất theo quy hoạch, kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai, kinh doanh bất động sản, vi phạm cam kết tiến độ thực hiện dự án. Tuyên truyền, vận động các cá nhân, hộ gia đình là chủ sử dụng đất quan tâm giữ gìn cảnh quan, môi trường ở thửa đất chưa sử dụng.

- Ưu tiên xây dựng các khu dân cư tập trung gắn với việc đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật trước khi tổ chức đấu giá như: giao thông nội bộ, điện, cấp nước, thoát nước, cây xanh và các thiết chế khác.

- Quản lý tốt công tác quy hoạch xây dựng phù hợp với quy hoạch đã được duyệt như: mốc lộ giới, khoảng lùi xây dựng,.. trước khi tiến hành công tác phân lô, đấu giá quyền sử dụng đất nhằm hạn chế tình trạng tranh chấp, kiện tụng không đáng có.

3. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện:

- Phát huy vai trò của Trung tâm Phát triển quỹ đất trong việc tạo quỹ đất sạch; tuân thủ việc tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo Luật Đất đai, Luật Đấu giá, Luật Đầu tư nhằm tạo sự công khai minh bạch khi lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án, góp phần tăng thu ngân sách nhà nước.

- Tổ chức đấu giá kịp thời, có hiệu quả các khu đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tham mưu UBND huyện kêu gọi đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho người có thu nhập thấp nhằm ổn định cuộc sống cho người dân.

4. Phòng Kinh tế - Hạ tầng:

- Tích cực tham mưu UBND huyện sớm hoàn thành việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Sịa, đô thị Thanh Hà, quy hoạch chung các xã Phối hợp, hướng dẫn cắm mốc lộ giới quy định khoảng lùi xây dựng trên các trục giao thông, tỉnh lộ, đường nội thị gắn với làm tốt công tác quản lý, cấp phép và quản lý chặt chẽ việc xây dựng nhà tư nhân theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với các ngành liên quan và địa phương tham mưu lập quy hoạch chi tiết về xây dựng hạ tầng, phân lô các khu đất theo kế hoạch.

- Tham mưu UBND huyện giải tỏa, di dời một số khu nghĩa trang, nghĩa địa ở vùng trung tâm huyện và trung tâm các xã, một số nghĩa địa xen ghép trong khu dân cư nhỏ lẻ để kết hợp chỉnh trang đô thị, xây dựng công trình hạ tầng và tạo nguồn quỹ đất mới. Đồng thời quản lý chặt chẽ việc xây dựng lăng mộ theo quy định của pháp luật.

5. Phòng Tài chính - Kế hoạch:

Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất tham mưu bố trí kinh phí để lập quy hoạch, giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng theo lộ trình dự kiến đầu tư. Đồng thời, quản lý việc sử dụng tiền đất đúng quy định pháp luật.

6. Phòng Tài nguyên và Môi trường:

Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan và các xã, thị trấn tham mưu hoàn chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 và đề xuất đăng ký kế hoạch sử dụng đất nhằm đưa quỹ đất vào đấu giá có hiệu quả và triển khai thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn.

7. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan, các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch bóc tách tầng đất mặt đối với đất trồng lúa nước theo quy định của pháp luật và các quy định về xây dựng nông thôn mới.

8. UBND các xã, thị trấn:

- Tính cực, chủ động trong việc triển khai thực hiện công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, quy hoạch, phân lô đấu giá quyền sử dụng đất. Chủ động rà soát lập quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn, xen ghép. Cần kết hợp việc phân lô đấu giá với chỉnh trang và giải phóng mồ mã ở các khu trung tâm và khu dân cư.

- Rà soát và đề xuất phương án đưa vào sử dụng nguồn quỹ đất chưa sử dụng và quỹ đất do xã quản lý, nhất là các quỹ đất nhỏ lẻ nằm xen ghép trong khu dân cư, quỹ đất dôi dư sau khi thực hiện các công trình dự án được đầu tư trên địa bàn (kè, đường...) nhằm tạo nguồn thu, giải quyết nhu cầu đất ở cho nhân dân và hạn chế tình trạng coi nới, lấn chiếm trái phép.

- Việc quy hoạch và phân lô đối với các khu dân cư tập trung phải đầu tư hoàn thiện hạ tầng trước khi tổ chức đấu và quản lý tốt hoạt động xây dựng theo quy hoạch.

- Tăng cường công tác thông tin, quảng bá, mở rộng thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng để giới thiệu quỹ đất kêu gọi đầu tư và kế hoạch tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất.

- Chủ động dành nguồn kinh phí để phát triển quỹ đất. Đồng thời, căn cứ vào danh mục kế hoạch thu tiền sử dụng đất của xã đối chiếu quy hoạch chung, quy hoạch sử dụng đất để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công cho phù hợp.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát chuyên đề về công tác quy hoạch, phân lô đấu giá quyền sử dụng đất và sử dụng nguồn vốn đấu giá của các xã, thị trấn. Đoàn giám sát báo cáo HĐND huyện xem xét, quyết định, thông qua Nghị quyết để các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- TV. Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- UBND huyện, UBMTTQVN huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng GS;
- Các thành viên Đoàn giám sát;
- Lãnh đạo VP+CVHD;
- Lưu VT. *ph*



PHÓ CHỦ TỊCH HĐND HUYỆN
Phạm Lượng

PHỤ LỤC 1: TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020

TT	Đơn vị	Số lô	Giá khởi điểm	Giá trúng đấu giá	Huyện	Xã
		(lô)	(1000đ)	(1000đ)	(1000đ)	(1000đ)
	TỔNG CỘNG	136	45.503.204	101.049.850	56.464.765	44.585.085
	Thị trấn Sịa	26	21.100.210	31.596.200	28.006.520	3.589.680
	Quyết định số 118 /QĐ-UBND ngày 20/01/2020 (Khu dân cư Nam TTTM)	3	4.995.900	4.998.900	4.998.900	
	Quyết định số 379 /QĐ-UBND ngày 05/3/2020 (Khu dân cư Nam TTTM)	3	4.095.000	4.120.500	4.120.500	
	Quyết định số 1003/QĐ-UBND ngày 5/6/2020 (Khu dân cư Nguyễn Vịnh)	8	3.335.000	10.152.600	10.152.600	
	Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 (Hủy kết quả Khu dân cư Nguyễn Vịnh)	-1	-330.000	-760.500	-760.500	
	Quyết định số 1232 /QĐ-UBND ngày 25/6/2020 (Khu dân cư nam TTTM)	2	4.107.800	4.110.500	4.110.500	
	Quyết định số 1552 /QĐ-UBND ngày 20/7/2020 (các lô xen ghép trong khu dân cư các thôn)	13	4.954.310	11.971.200	7.182.720	4.788.480
	Quyết định số 1961 /QĐ-UBND ngày 8/9/2020 (các lô xen ghép trong khu dân cư các thôn)	-2	-567.800	-1.481.000	-888.600	-592.400
	Quyết định số 2074 /QĐ-UBND ngày 11/9/2020 (các lô xen ghép trong khu dân cư các thôn)	-1	510.000	-1.516.000	-909.600	-606.400
I	Xã Quảng Phú	0	0	1.419.000	425.700	993.300
	Quyết định số 2818 /QĐ-UBND ngày 05/12/2019 (các lô xen ghép trong khu dân cư các thôn)			1.419.000	425.700	993.300

II	Xã Quảng Lợi	22	3.367.047	11.990.950	8.852.535	3.138.415
	Quyết định số 1044/QĐ-UBND ngày 10/06/2020 (các lô xen ghép trong khu dân cư các thôn)	14	961.017	4.483.450	1.345.035	3.138.415
	Quyết định số 2567/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 (Khu dân cư Đông Quảng Lợi)	8	2.406.030	7.507.500	7.507.500	
V	Xã Quảng Thành	16	3.229.140	6.779.300		6.779.300
	Quyết định số 1231 /QĐ-UBND ngày 25/6/2020 (các lô khu dân cư ruộng nương)	6	1.381.470	3.157.000		3.157.000
	Quyết định số 2503 /QĐ-UBND ngày 11/11/2020 (các lô khu dân cư Đất Cát)	10	1.847.670	3.622.300		3.622.300
	Xã Quảng Phước	13	4.591.200	6.651.100	1.995.330	4.655.770
	Quyết định số 1559 /QĐ-UBND ngày 21/7/2020 (các lô sau trường Ngô Thế Lân)	13	4.591.200	6.651.100	1.995.330	4.655.770
I	Xã Quảng Thọ	11	1.955.860	8.123.600	2.437.080	5.686.520
	Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 10/6/2020 (Khu TTTM xã)	11	1.955.860	8.123.600	2.437.080	5.686.520
II	Xã Quảng An	4	970.000	4.177.000	1.253.100	2.923.900
	Quyết định số 1230 /QĐ-UBND ngày 25/6/2020 (xen ghép)	4	970.000	4.177.000	1.253.100	2.923.900
III	Xã Quảng Vinh	27	7.696.520	22.331.900	11.100.260	11.231.640
	Quyết định số 2829/QĐ-UBND ngày 13/12 /2019 (Khu dân cư xen ghép)			4.637.400	1.391.220	3.246.180
	Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 06/02/2020 (Khu dân cư TT thương mại)	14	3.757.000	6.286.700	6.286.700	0

	Quyết định số 2300/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 (các lô xen ghép trong khu dân cư các thôn)	18	5.062.020	15.392.100	4.617.630	10.774.470
	Quyết định số /QĐ-UBND ngày 12/2020 (các lô xen ghép trong khu dân cư các thôn)	-5	-1.122.500	-3.984.300	-1.195.290	-2.789.010
X	Xã Quảng Thái	10	2.055.040	4.378.800	1.313.640	3.065.160
	Quyết định số 2896 /QĐ-UBND ngày 13/12 /2019 (các lô xen ghép trong khu dân cư các thôn)			119.000	35.700	83.300
	Quyết định số 1373/QĐ-UBND ngày 13/7/2020 (các lô xen ghép trong khu dân cư các thôn)	10	2.055.040	4.259.800	1.277.940	2.981.860
	Xã Quảng Ngạn	0	0	0	0	0
I	Xã Quảng Công	7	538.187	3.602.000	1.080.600	2.521.400
	Quyết định số 1079/QĐ-UBND ngày 15/6/ 2020 (các lô xen ghép trong khu dân cư các thôn)	9	688.182	4.505.110	1.351.533	3.153.577
	Quyết định số 1564/QĐ-UBND ngày 23/7/ 2020 (các lô xen ghép trong khu dân cư các thôn)	-2	-149.995	-903.110	-270.933	-632.177

PHỤ LỤC 2: TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021

STT	Đơn vị	Số lô	Giá khởi điểm	Giá trúng đấu giá	Huyện	Xã
		(lô)	(1000đ)	(1000đ)	(1000đ)	(1000đ)
	TỔNG CỘNG	240	134.578.602	220.878.135	87.429.604	133.448.531
I	Thị trấn Sịa	62	69.955.190	84.480.205	40.236.085	44.244.120
1	Quyết định số 38 /QĐ-UBND ngày 11/01/2021 (Khu dân cư Nam TTTM huyện)	3	5.054.200	5.312.500	5.312.500	
2	Quyết định số 202 /QĐ-UBND ngày 25/01/2021 (các lô xen ghép trong khu dân cư các thôn)	15	3.853.000	11.247.700	6.748.620	4.499.080
3	Quyết định số 502 /QĐ-UBND ngày 18/3/2021 (các lô xen ghép trong khu dân cư các thôn)	-11		-8.050.100	-4.830.060	-3.220.040
4	Quyết định số 776 /QĐ-UBND ngày 23/4/2021 (Khu dân cư Nam TTTM huyện)	7	10.131.800	15.805.905	15.805.905	
5	Quyết định số 1924 /QĐ-UBND ngày 23/8/2021 (các lô xen ghép trong khu dân cư các thôn)	10	6.921.840	16.991.600	10.194.960	6.796.640
6	Quyết định số 2533 /QĐ-UBND ngày 30/11/2021 (các lô xen ghép trong khu dân cư các thôn)	12	5.625.150	11.673.600	7.004.160	4.669.440
7	Quyết định số 2573 /QĐ-UBND ngày 03/12/2021 (khu phía Bắc nhà Văn hóa huyện)	14	19.677.750	31.499.000		31.499.000
8	Quyết định số 2830 /QĐ-UBND ngày 30/12/2021 (Khu dân cư Bắc TTTM huyện)	12	18.691.450		0	
II	Xã Quảng Phú	21	6.215.800	8.253.680	2.476.104	5.777.576
1	Quyết định số 444 /QĐ-UBND ngày 12/3/2021 (các lô xen ghép trong khu dân cư các thôn)	14	3.079.400	7.658.680	2.297.604	5.361.076

2	Quyết định số 2758 /QĐ-UBND ngày 22/12/2021 (các lô xen ghép trong khu dân cư các thôn)	7	3.136.400	595.000	178.500	416.500
III	Xã Quảng Lợi	28	11.800.584	29.029.400	24.139.200	4.890.200
1	Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 02/02/2021 (các lô xen ghép trong khu dân cư các thôn)	16	1.170.286	6.585.300	1.975.590	4.609.710
2	Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 (khu dân cư xen ghép)	-3	-282.602	-1.500.000	-450.000	-1.050.000
3	Quyết định số 1950 /QĐ-UBND ngày 30/8/2021 (Khu Đông Quảng Lợi)	13	10.087.500	22.043.400	22.043.400	0
4	Quyết định số 2588 /QĐ-UBND ngày 07/12/2021 (Khu dân cư xen ghép)	2	825.400	1.900.700	570.210	1.330.490
IV	Xã Quảng Thành	34	8.576.500	21.121.700	3.665.220	17.456.480
1	Quyết định số 215 /QĐ-UBND ngày 27/01/2021 (các lô khu dân cư Đất Cát và Quán Hòa)	14	1.456.190	4.323.900	1.297.170	3.026.730
2	Quyết định số 1927 /QĐ-UBND ngày 24/8/2021 (các lô khu dân cư Ruộng Nương - Huyện Võ)	9	3.678.490	7.893.500	2.368.050	5.525.450
3	Quyết định số 2534 /QĐ-UBND ngày 30/ 11/2021 (các lô khu dân cư đất cát và Ruộng Nương - Huyện Võ)	11	3.441.820	8.904.300		8.904.300
V	Xã Quảng Phước	20	8.581.998	15.137.700	4.541.310	10.596.390
1	Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 (các lô xen ghép)	8	2.314.570	3.289.000	986.700	2.302.300
2	Quyết định số 2286 /QĐ-UBND ngày 20/10/2021 (các lô khu dân Hói Đen)	9	3.043.728	7.505.700	2.251.710	5.253.990
3	Quyết định số 2587/QĐ-UBND ngày 07/12/ 2021 (các lô khu dân phía sau trường Ngô Thế Lân)	3	3.223.700	4.343.000	1.302.900	3.040.100
VI	Xã Quảng Thọ	15	1.789.880	7.689.150	2.306.745	5.382.405

1	Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 02/02/2021 (Khu TTTM xã và La Vân Hạ)	15	1.789.880	7.689.150	2.306.745	5.382.405
VII	Xã Quảng An	24	6.580.760	15.772.500	4.731.750	11.040.750
1	Quyết định số 66 /QĐ-UBND ngày 14/01/2021 (khu xen ghép)	12	3.290.380	7.242.000	2.172.600	5.069.400
2	Quyết định số 2651 /QĐ-UBND ngày 15/12/2021 (khu xen ghép)	12	3.290.380	8.530.500	2.559.150	5.971.350
VIII	Xã Quảng Vinh	15	7.342.270	17.777.300	5.333.190	12.444.110
1	Quyết định số 1905/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 (các lô xen ghép trong khu dân cư các thôn)	15	7.342.270	17.777.300	5.333.190	12.444.110
IX	Xã Quảng Thái	21	13.735.620	21.616.500	0	21.616.500
1	Quyết định số 1373/QĐ-UBND ngày 13/7/2020 (Khu phố chợ)	6	3.851.080	4.196.700	0	4.196.700
2	Quyết định số 1970 /QĐ-UBND ngày 07/9/2021 (các lô khu phố chợ)	7	4.453.360	8.366.700	0	8.366.700
3	Quyết định số 2735 /QĐ-UBND ngày 20/12/2021 (các lô khu phố chợ)	9	6.082.810	10.414.100	0	10.414.100
4	Quyết định số 26 /QĐ-UBND ngày 06/01/2022 (các lô khu phố chợ)	-1	-651.630	-1.361.000	0	-1.361.000
X	Xã Quảng Ngạn	0	0	0	0	0
XI	Xã Quảng Công	0	0	0	0	0
1	Quyết định số 1079/QĐ-UBND ngày 15/6/ 2020 (các lô xen ghép trong khu dân cư các thôn)				0	0

PHỤ LỤC 3: TỔNG HỢP CHI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT CÁC XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2020

DVT: đồng

ST T	Đơn vị/Lĩnh vực	Tổng cộng	Quảng An	Quảng Thành	Quảng Phước	Quảng Thọ	Quảng Vinh	Quảng Phú	Thị trấn Sịa	Quảng Lợi	Quảng Thái	Quảng Ngạn	Quảng Công
	Tổng cộng	40.601.495.000	2.906.749.000	4.459.371.000	3.137.394.000	6.053.008.000	6.243.684.000	1.772.041.000	4.548.698.000	3.269.531.000	3.200.005.000	1.089.213.000	3.921.801.000
1	Chi hoạt động kinh tế	25.617.197.000	1.095.461.000	2.000.246.000	2.284.813.000	5.251.716.000	3.965.819.000	1.015.796.000	3.020.793.000	2.442.055.000	2.976.133.000	924.529.000	639.836.000
-	Giao thông	10.723.168.000	697.455.000	1.595.761.000	1.910.020.000	1.915.927.000	2.506.495.000	37.940.000	164.594.000	619.761.000	1.100.083.000	122.011.000	53.121.000
-	Thuỷ lợi	3.934.223.000	0	404.485.000	90.875.000	88.875.000	444.842.000		2.289.309.000		615.837.000		
-	Chỉnh trang khu trung tâm, khuôn viên trụ sở; phát triển đô thị	1.403.272.000	99.390.000			446.535.000	35.921.000	178.735.000	7.819.000	634.872.000			
-	Nâng cấp, cải tạo chợ; điểm buôn bán của xã		3.787.000		159.992.000	560.240.000				1.110.637.000			500.000.000
-	Phát triển TTCN							431.432.000					
-	Đầu tư hệ thống điện phục vụ sản xuất										323.555.000		
-	Nâng cấp, cải tạo nhà làm việc	2.640.299.000	294.829.000		123.926.000	1.091.279.000	181.326.000	101.995.000	59.071.000	76.785.000	436.658.000	274.430.000	
-	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hoá, truyền thanh; TĐTT, ...					1.148.860.000	797.235.000	265.694.000	500.000.000		500.000.000	528.088.000	86.715.000
2	Chi giáo dục, đào tạo	8.510.313.000	1.410.109.000	2.459.125.000	334.550.000	801.292.000	1.227.782.000	487.135.000	953.417.000	467.082.000	120.000.000	16.616.000	233.205.000
3	Chi dự án phát triển quỹ đất	6.473.985.000	401.179.000	0	518.031.000	0	1.050.083.000	269.110.000	574.488.000	360.394.000	103.872.000	148.068.000	3.048.760.000

PHỤ LỤC 4: TỔNG HỢP CHI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT CÁC XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2021

ĐVT: đồng

T T	Đơn vị/Lĩnh vực	Tổng Cộng	Quảng An	Quảng Thành	Quảng Phước	Quảng Thọ	Quảng Vinh	Quảng Phú	Thị Trấn Sịa	Quảng Lợi	Quảng Thái	Quảng Ngạn	Quảng Công
	Tổng cộng	54.475.554.3 15	6.595.553.0 00	4.899.458.000	3.477.245.324	6.437.062.0 00	5.678.168.00 0	2.880.837.0 00	14.285.521.50 0	3.990.812.5 00	6.153.853.99 1	73.128.000	3.915.000
1	Chi hoạt động kinh tế	20.980.283.7 00	1.941.724.0 00	1.291.512.000	804.405.900	4.074.961.0 00	3.236.547.00 0	181.465.00 0	4.792.707.00 0	1.142.930.0 00	3.489.370.8 00	24.661.000	0
-	Giao thông, vận tải	16.151.800.8 00	1.214.504.0 00	742.616.000	483.669.000	3.605.382.0 00	2.618.204.00 0	181.465.00 0	2.998.958.00 0	1.142.930.0 00	3.139.411.8 00	24.661.000	
-	Nông lâm ngư nghiệp và thủy lợi, thủy sản	4.828.482.90 0	727.220.00 0	548.896.000	320.736.900	469.579.00 0	618.343.000	0	1.793.749.00 0	0	349.959.000	0	
2	Chi giáo dục đào tạo	15.632.297.0 00	1.763.412.0 00	2.160.107.000	0	960.461.00 0	1.079.936.00 0	1.168.831.0 00	7.222.523.00 0	585.116.00 0	643.444.000	48.467.000	0
3	Chi XD QL nhà nước, Đảng, đoàn thể	8.137.402.50 0	1.528.466.0 00	672.449.000	958.421.000	845.604.00 0	345.290.000	818.686.00 0	317.695.000	2.262.766.5 00	388.025.000	0	0
4	Chi sửa chữa Trạm Y tế xã, ...	799.997.000	537.000.00 0	0	0	262.997.00 0	0	0	0	0	0	0	0
5	Chi VH thông tin, TDTT	3.032.719.50 0	0	18.480.000	213.000.000	0	466.353.000	0	1.952.596.50 0	0	382.290.000	0	0
6	Chi dự án phát triển quỹ đất	1.413.087.92 4	524.000.00 0	0	457.535.924	293.039.00 0	0	0	0	0	138.513.000	0	0
7	Chi đầu tư khác	4.479.766.69 1	300.951.00 0	756.910.000	1.043.882.500	0	550.042.000	711.855.00 0	0	0	1.112.211.1 91	0	3.915.000